

QUY ĐỊNH

**về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại,
giới thiệu ứng cử, tái cử, thôi giữ chức, từ chức, miễn nhiệm,
điều động, biệt phái đối với cán bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ (viết tắt là Quy định 377); Hướng dẫn số 45-HD/BTCTW ngày 21/11/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung Quy định 377;
- Căn cứ Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ;
- Căn cứ Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy định số 585-QĐ/TU ngày 23/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ngãi;
- Căn cứ Quy định số 510-QĐ/TU ngày 27/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cụ thể hóa một số nội dung Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ; quản lý công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội (viết tắt là Quy định 510);
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Sa Huỳnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Ban Thường vụ Đảng ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, thôi giữ chức, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái đối với cán bộ như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định nguyên tắc, nội dung, thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy trong công tác quản lý cán bộ và thực hiện quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của phường.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, quy định, kết luận của Đảng về công tác cán bộ; bảo đảm công tác cán bộ và quản lý cán bộ được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, đúng nguyên tắc, đúng quy trình, đúng thẩm quyền.

2. Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, tổng thể và liên thông trong công tác cán bộ của Đảng; thực hiện đánh giá cán bộ thường xuyên, toàn diện, khách quan, công tâm, chính xác; làm tốt công tác quy hoạch, lựa chọn, bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của phường.

3. Tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng ủy đối với công tác cán bộ; chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của phường đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và uy tín, bảo đảm sự kế thừa, ổn định và phát triển liên tục giữa các thế hệ cán bộ, gắn bó mật thiết với Nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị ở phường:

1.1. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quy định, tiêu chuẩn, quy chế của Đảng về công tác cán bộ; đồng thời phát huy trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ theo phân cấp.

1.2. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị ở phường; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của phường theo quy định.

1.3. Ban Thường vụ Đảng ủy quyết định việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ theo thẩm quyền; gắn phân cấp quản lý với giao quyền và ràng buộc trách

nhiệm; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, kịp thời xem xét, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.

2. Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; phát huy đầy đủ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cá nhân có liên quan, trước hết là người đứng đầu, trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2.1. Các nội dung về công tác cán bộ gồm: Đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bố trí, sử dụng; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phải được cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số, bảo đảm đúng nguyên tắc, quy trình và thẩm quyền theo quy định. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa người đứng đầu và tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của tập thể về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách.

2.3. Tập thể, cá nhân đề xuất; cơ quan tham mưu, cơ quan thẩm định; tập thể quyết định về cán bộ và công tác cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất, tham mưu, thẩm định và quyết định của mình.

2.4. Cán bộ, đảng viên có trách nhiệm chấp hành nghiêm các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ và cán bộ; cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới phải chấp hành nghiêm nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên về công tác cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Công tác cán bộ là các đường lối, chủ trương, chính sách, quy định về phân cấp quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, kiểm soát, giám sát,... đối với cán bộ nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Phân cấp quản lý cán bộ là việc cấp có thẩm quyền quyết định phân cấp hoặc ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham gia hoặc trực tiếp thực hiện một số khâu trong công tác cán bộ đối với các chức danh cán bộ

thuộc diện cấp trên quản lý; đồng thời quyết định và tổ chức thực hiện các khâu trong công tác cán bộ đối với các chức danh cán bộ thuộc diện mình quản lý, theo đúng quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ.

3. Bổ nhiệm cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm (khi cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoặc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy).

4. Quy hoạch cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm.

5. Cho thôi giữ chức vụ là quyết định của cấp có thẩm quyền cho cán bộ chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu (không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển hoặc được bố trí công tác khác theo yêu cầu công tác cán bộ).

6. Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm khi chưa hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

7. Miễn nhiệm là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ nhưng chưa đến mức cách chức.

8. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

9. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

10. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ trong một thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

11. Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh đã được phê duyệt quy hoạch.

Chương II **PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ**

Điều 5. Nội dung

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

4. Tuyển chọn, bổ trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ.

5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

7. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện nội dung phân cấp, uỷ quyền trong công tác cán bộ.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 6. Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác tại phường; các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý và phân cấp quản lý (tại Phụ lục 1 Quy định này).

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ phường

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và giám sát, kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Đảng về công tác cán bộ tại phường.

- Thảo luận và biểu quyết về phương hướng công tác nhân sự, đề án Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trình Đại hội đại biểu Đảng bộ phường xem xét, quyết định.

- Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định về nhân sự tại chỗ ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

- Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra; điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, Ban Thường vụ ngoài cơ cấu cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định.

- Cho ý kiến đề Ban Thường vụ Đảng ủy trình Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến về nhân sự Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

- Bầu ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; bầu Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại địa phương theo quy định.

- Giới thiệu nhân sự đề Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

- Tham gia ý kiến đối với nhân sự Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân trước khi Ban Thường vụ Đảng ủy lấy ý kiến thẩm định của tỉnh quyết định giới thiệu đề Đảng ủy, Hội đồng nhân dân phường bầu theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Đảng ủy

- Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ.

- Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật (*trừ hình thức hạ ngạch, buộc thôi việc*); thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh đã được phân cấp theo quy định.

- Chuẩn bị, trình Ban Chấp hành đảng bộ xem xét, quyết định về phương hướng công tác nhân sự, Đề án Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; đề nghị chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Chuẩn bị nhân sự đề Đảng ủy xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét giới thiệu sự ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Chủ động chuẩn bị nhân sự đề Đảng ủy xem xét đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì xem xét cho ý kiến trước khi Ban Thường vụ Đảng ủy giới thiệu bầu giữ chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân; đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến trước khi Ban Thường vụ Đảng ủy giới thiệu bầu giữ chức danh: Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy theo quy định.

- Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện các chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đang công tác tại địa phương.

Cho ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về địa phương công tác có tham gia cấp ủy địa phương.

- Quyết định việc phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc; ủy quyền một số khâu trong công tác cán bộ cho thường trực cấp ủy, cấp ủy trực thuộc theo quy định.

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định thẩm tra, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên đang sinh hoạt tại đảng bộ người xin vào Đảng theo quy định của Trung ương và phân cấp quản lý cán bộ.

- Chuẩn y hoặc ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy chuẩn y Bí thư, Phó Bí thư chi bộ trực thuộc. Chỉ định bổ sung hoặc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung chi ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư chi bộ trực thuộc; khi cần thiết chỉ định tham gia Chi ủy và chỉ định Bí thư, Phó Bí thư chi bộ trực thuộc theo quy định của Đảng.

- Cho ý kiến phê duyệt đề án, phương án nhân sự đại hội các chi bộ trực thuộc; đại hội Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cùng cấp.

- Khi cần thiết chỉ định Bí thư hoặc giao quyền Bí thư, giao phụ trách tổ chức đảng trực thuộc.

- Tham gia ý kiến với cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan quản lý cán bộ về nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu, thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ lãnh đạo của ngành dọc quản lý nhưng sinh hoạt đảng trên địa bàn (khi có đề nghị), cụ thể:

- Đối với nhân sự cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương khi có yêu cầu của ngành dọc cấp trên (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước).

- Phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh về nhân sự Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó của Ban Chỉ huy quân sự phường; phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh về nhân sự Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an phường.

- Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi lãnh đạo, quản lý.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

- Chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe và chính sách cán bộ; tổ chức tang lễ đối với cán bộ, đảng viên theo đúng quy định.

Điều 9. Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy

Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy thực hiện một số nhiệm vụ về công tác cán bộ và tổ chức cán bộ theo quy định, trong phạm vi thẩm quyền, cụ thể như sau:

1. Báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ và tổ chức cán bộ của phường.

2. Cho chủ trương thực hiện quy trình công tác cán bộ đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý trước khi báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

3. Chuẩn y kết quả bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và các chức danh bầu bổ sung của các chi bộ trực thuộc. Chỉ định bổ sung cấp ủy đối với các tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng.

4. Phối hợp, tham gia ý kiến với cấp ủy, tổ chức đảng và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ngành dọc cấp trên về việc quy hoạch, bố trí, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cho thôi giữ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ lãnh đạo các đơn vị thuộc ngành dọc quản lý đang công tác trên địa bàn phường.

Hiệp thương với các cơ quan cấp tỉnh khi xem xét nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo các cơ quan cấp phường: Ủy ban Kiểm tra (kể cả ủy viên), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường; các chức danh khác theo quy định của cấp trên.

5. Xem xét, cho chủ trương thực hiện quy trình công tác cán bộ về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh do Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý toàn diện.

6. Chuẩn bị phương án nhân sự, hồ sơ nhân sự thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy theo quy định.

7. Xem xét, cho ý kiến về việc chuyển công tác, nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý khi cán bộ có nguyện vọng.

8. Chỉ đạo thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo quy định.

9. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên; các khoản phụ cấp lương (*trừ quyết định xếp phụ cấp thâm niên nghề Kiểm tra Đảng lần đầu do Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện*) đối với công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường giữ ngạch từ chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống.

10. Xem xét, cho ý kiến theo quy định về việc ra nước ngoài, quan hệ với người nước ngoài đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý và các trường hợp khác có yêu cầu theo quy định của cấp có thẩm quyền.

11. Xem xét, cho ý kiến đề nghị xét tặng các hình thức khen thưởng và các danh hiệu Nhà nước theo quy định trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

12. Xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền việc tặng, truy tặng Huy hiệu 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70, 75... năm tuổi đảng; phát thẻ đảng viên, cấp lại thẻ đảng viên, đổi thẻ đảng viên; xét chuyển đảng viên chính thức theo quy định của Điều lệ Đảng.

13. Xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền việc cử cán bộ đi học cao học các chuyên ngành, đại học chuyên ngành công tác xây dựng Đảng và cao cấp lý luận chính trị theo quy định.

14. Xem xét quyết định cử cán bộ đương chức và dự nguồn các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý đi học các lớp trung cấp lý luận chính trị và các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác khi cơ quan, đơn vị có nhu cầu.

15. Quyết định thẩm tra những cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý khi có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc có vấn đề cần xem xét về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay theo quy định của Bộ Chính trị và các vấn đề khác theo quy định để báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, kết luận.

16. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và cá nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý khi thấy cần thiết.

Điều 10. Chi bộ các cơ quan Đảng

1. Chi bộ các cơ quan Đảng chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy phường về việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy và của Đảng ủy phường về công tác cán bộ và cán bộ theo phân cấp quản lý.

2. Chi ủy các cơ quan Đảng

- Quyết định phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí chi ủy viên chi bộ các cơ quan Đảng.

- Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý đang công tác, sinh hoạt tại Chi bộ các cơ quan Đảng khi có yêu cầu và các chức danh khác theo quy định.

- Trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định về nhân sự Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ các cơ quan Đảng; nhân sự chỉ định bổ sung chi ủy viên chi bộ theo quy định.

- Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các khâu của công tác cán bộ theo thẩm quyền đối với các chức danh thuộc diện Chi ủy các cơ quan Đảng quản lý, gồm: Đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công; đề xuất bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động; xem xét tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ.

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Chi bộ các cơ quan Đảng; đề nghị, tham gia ý kiến đối với việc cán bộ, đảng viên đi nước ngoài thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của cấp có thẩm quyền, theo quy định.

Điều 11. Chi bộ Ủy ban nhân dân phường

1. Chi bộ Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy phường về việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của tỉnh và của Đảng ủy phường về công tác cán bộ và cán bộ theo phân cấp.

2. Chi ủy Chi bộ Ủy ban nhân dân phường

- Quyết định phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí Chi ủy Chi bộ Ủy ban nhân dân phường.

- Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện các khâu công tác cán bộ theo thẩm quyền đối với các chức danh thuộc diện quản lý, gồm: Đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường quản lý theo quy định.

- Đề nghị Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định đối với các nội dung về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Đảng ủy phường và các chức danh cán bộ mà Thường trực Đảng ủy cho ý kiến trước khi thực hiện tại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân phường.

- Trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định đối với nhân sự Bí thư, Phó Bí thư chi bộ Ủy ban nhân dân phường; nhân sự chỉ định bổ sung chi ủy viên chi bộ.

- Thông báo và phối hợp tổ chức thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân phường theo quy định.

- Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng tham gia ý kiến nhận xét, đánh giá để thực hiện công tác bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ giữ chức vụ cấp trưởng, cấp phó các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân phường theo phân cấp.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định; gợi ý kiểm điểm và chỉ đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Chi bộ Ủy ban nhân dân phường; đề nghị, tham gia ý kiến đối với việc cán bộ, đảng viên đi nước ngoài thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Tham gia ý kiến về việc thực hiện chế độ, chính sách, tiền lương đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý đang công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân phường theo phân cấp và quy định.

- Đề nghị hoặc tham gia ý kiến đối với việc xét tặng danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng theo quy định; quyết định khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo thẩm quyền.

- Xin ý kiến Thường trực Đảng ủy phường trước khi giới thiệu nhân sự bầu giữ chức vụ chủ tịch các tổ chức hội có tính chất đặc thù (nếu có) theo quy định.

- Nhận xét, đánh giá đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức và cán bộ thuộc phạm vi theo dõi, quản lý.

Điều 12. Thường trực Hội đồng nhân dân phường

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, chủ trương, chính sách, quyết định, quy định của Trung ương, của tỉnh và của Đảng ủy về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Đề nghị, tham gia ý kiến với Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy về đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy đang công tác tại các ban của Hội đồng nhân dân phường theo quy định.

3. Chỉ đạo chuẩn bị phương án nhân sự đại biểu Hội đồng nhân dân phường trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến trước khi tổ chức bầu cử theo quy định.

4. Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ

Đảng ủy quản lý đang công tác tại cơ quan Hội đồng nhân dân phường khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ lãnh đạo khác theo quy định.

5. Được báo cáo trực tiếp với Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy các nội dung có liên quan khi có yêu cầu.

6. Nhận xét, đánh giá đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức và cán bộ trong phạm vi theo dõi, quản lý.

Điều 13. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy

1. Là cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy; trực tiếp và thường xuyên tham mưu cho Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy về công tác cán bộ và quản lý cán bộ; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy và của Đảng ủy về cán bộ, công tác cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo phân cấp và thẩm quyền.

2. Tổng hợp, theo dõi tình hình đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất để Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định hoặc cho ý kiến theo thẩm quyền đối với các nội dung về công tác cán bộ, gồm: Tuyển chọn; nhận xét, đánh giá; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy theo quy định.

3. Trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy các vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ theo thẩm quyền, phân cấp và quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định, thẩm tra, rà soát, xác minh thông tin liên quan đến nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy; tổng hợp, tham mưu đề xuất trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

5. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng, quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý (kể cả cán bộ đương chức và đã nghỉ hưu) và cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị theo quy định của Bộ Chính trị. Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị – xã hội phường; quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên trong toàn Đảng bộ phường theo quy định.

6. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy được Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền thực

hiện một số nội dung về công tác cán bộ theo quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cụ thể:

- Thông báo thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý đang công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của phường; tham mưu xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế hằng năm và theo giai đoạn; trực tiếp quản lý biên chế cán bộ, công chức và người lao động trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị – xã hội phường theo phân cấp.

- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức (nếu có); tiếp nhận vào làm công chức tại các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị – xã hội phường; tham mưu, đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm ngạch công chức đối với công chức thuộc các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định việc thực hiện chế độ chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị – xã hội phường theo phân cấp; tổng hợp, báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác quản lý biên chế, quỹ tiền lương theo quy định.

- Tham mưu xây dựng và hướng dẫn thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy; tham mưu việc phân bổ, xét duyệt và trình cấp có thẩm quyền quyết định cử cán bộ đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng, trong đó có đào tạo lý luận chính trị theo quy định.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu tổ chức kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác cán bộ và cán bộ theo kế hoạch, định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

8. Trường hợp cần thiết và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, tổng hợp, tham mưu, đề xuất đề Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định việc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền.

Điều 14. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Văn phòng Đảng ủy

1. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy có trách nhiệm, quyền hạn sau

- Tham gia ý kiến, thẩm định các nội dung liên quan đến phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ trong các khâu của công tác cán bộ đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý, khi có yêu cầu, gồm: Đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện công tác cán bộ và cán bộ; kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có) theo quy định. Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng tham gia theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ khi có yêu cầu.

- Xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật cán bộ, đảng viên theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

- Phối hợp với Ban xây dựng Đảng thẩm định các nội dung liên quan đến nhân sự thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý; báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

2. Văn phòng Đảng ủy có trách nhiệm

- Tham gia ý kiến đối với các nội dung về công tác cán bộ và cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung vào việc bảo đảm quy trình, thủ tục, hồ sơ, thể thức văn bản, chương trình công tác, điều kiện tổ chức thực hiện các quyết định về công tác cán bộ của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy.

- Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổng hợp tài liệu, hồ sơ, phục vụ công tác xem xét, quyết định các nội dung về công tác cán bộ và cán bộ theo quy định.

Điều 15. Các chi bộ trực thuộc

- Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, chủ trương, chính sách, quyết định, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy và của Đảng ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại đơn vị mình theo phân cấp.

- Tham gia quản lý, theo dõi, nhận xét, đánh giá đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy trực tiếp quản lý và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy tham gia quản lý đang công tác, sinh hoạt tại chi bộ, đảng bộ; kịp thời báo

cáo, đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy những vấn đề phát sinh liên quan đến cán bộ theo quy định.

- Kiến nghị, đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy về nhận xét, đánh giá; quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng; giới thiệu ứng cử; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý đang công tác tại đơn vị mình theo quy định.

Điều 16. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý

Cán bộ lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (*trừ trường hợp đã được điều động, bố trí công tác khác không còn thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý*), khi phát sinh các nội dung sau đây thì phải được Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền và quy định của cấp trên:

- Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định; tham gia Ban công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị – xã hội ở tổ dân phố; giữ chức vụ người đứng đầu các hội, tổ chức hội ở cơ sở (*không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội*); tham gia làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

- Đi nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước; tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn báo chí, truyền thông nước ngoài; nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế trao tặng.

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh sau

- Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn phường, gồm: Các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (*trước khi kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện*); các đồng chí nguyên Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy (tính từ ngày 01/7/2025 trở về sau).

- Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý nghỉ hưu và cư trú trên địa bàn phường, gồm: Các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy; nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (tính từ ngày 01/7/2025 trở về sau).

2.2. Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh sau

- Các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường.

- Các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ trực thuộc Đảng bộ phường; nguyên cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc phường quản lý.

Chương III **QUY HOẠCH CÁN BỘ**

Điều 17. Nguyên tắc quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ phải coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, có tính kế thừa, ổn định và phát triển; bảo đảm sự liên thông, đồng bộ giữa các khâu trong công tác cán bộ, giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bố trí, sử dụng cán bộ; giữa cán bộ trong quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Việc xây dựng quy hoạch phải phấn đấu bảo đảm cơ cấu ba độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có trình độ, năng lực phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm địa bàn và lĩnh vực công tác.

2. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị của phường; bảo đảm sự kế thừa, liên thông giữa quy hoạch cấp dưới và quy hoạch cấp trên theo phân cấp quản lý cán bộ; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của phường với quy hoạch cán bộ chung của địa phương theo quy định.

3. Chỉ thực hiện quy hoạch chức danh cao hơn; mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với đề xuất bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 18. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên trong công tác cán bộ của Đảng ủy, nhằm phát hiện sớm, tạo nguồn cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, bố trí, sử dụng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị ở phường trong từng giai đoạn.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch phải căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ hiện có, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của phường, của từng cơ quan, đơn vị theo từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo; bảo đảm tính kế thừa, ổn định và phát triển, phù hợp với phân cấp quản lý cán bộ

và điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch, phải rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền theo quy định. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch đối với những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”; hằng năm tổ chức đánh giá, rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng thời bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm, bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

- Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- + Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

- + Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- + Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy

định.

- Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

- Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 19. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị của phường, gồm:

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo phân cấp, đang công tác tại phường, gồm: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo Quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Đảng ủy.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý theo Phụ lục 2.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Đảng ủy trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức

Tỉnh ủy) phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý (Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường) theo phân cấp về tổ chức, cán bộ.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy quyết định phê duyệt quy hoạch đối với Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy theo quy định. Tham gia ý kiến quy hoạch cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn phường (khi có yêu cầu).

3. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định (nếu có).

Điều 21. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy và của Đảng ủy về công tác quy hoạch cán bộ tại cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức thực hiện các bước trong quy trình nhân sự; phối hợp thực hiện việc thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị; nhận xét, đánh giá cán bộ; quyết định hoặc đề nghị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình theo phân cấp quản lý cán bộ; báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch; thực hiện kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Xây dựng Đảng

- Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện công tác quy hoạch cán bộ trong toàn Đảng bộ phường theo quy định.

- Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy tổ chức thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tham mưu quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân

dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng quy hoạch, trình Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý, bao gồm: Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy; các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội phường; các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn phường; các chi bộ trực thuộc Đảng bộ phường.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện việc trao đổi, cung cấp thông tin, rà soát, giới thiệu nguồn nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền) để nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo đúng nguyên tắc, quy trình, thẩm quyền và quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy và cơ quan liên quan

- Phối hợp với Ban xây dựng Đảng trong việc thẩm định, thẩm tra; cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến cán bộ được đề nghị đưa vào quy hoạch theo phân cấp quản lý cán bộ và theo yêu cầu của Ban Thường vụ Đảng ủy.

- Tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với nhân sự quy hoạch khi có yêu cầu; chịu trách nhiệm về nội dung tham gia ý kiến theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác quy hoạch cán bộ theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy và theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 22. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - phường hội.

2. Hằng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

Điều 23. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ

nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

2. Về độ tuổi quy hoạch

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, Ủy ban Kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - phường hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 24. Hệ số, số lượng và cơ cấu quy hoạch

1. Về hệ số, số lượng

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra cấp ủy từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu

Phân đầu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 42 tuổi) từ 15% trở lên; cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5-10%, phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

Điều 25. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

- Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện

Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 3.

- Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình quy hoạch để quy định cụ thể cho phù hợp.

2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo Phụ lục 6.

Điều 26. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch

Căn cứ kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch*) đối với các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bố trí, sử dụng cán bộ trong quy hoạch bảo đảm gắn với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 27. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ thuộc diện quy hoạch đương nhiên ra khỏi quy hoạch trong các trường hợp sau:

1. Đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương.
2. Quá tuổi bổ nhiệm theo quy định.
3. Bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân).
4. Bị kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch.

5. Được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức hoặc miễn nhiệm chức vụ.

6. Chuyển công tác ra khỏi địa bàn phường, thôi việc hoặc bị xóa tên khỏi danh sách đảng viên.

7. Từ trần hoặc nghỉ công tác theo quy định.

Đối với các trường hợp nêu trên, cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đưa ra khỏi quy hoạch; không thực hiện quy trình lấy phiếu giới thiệu hoặc biểu quyết.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền, việc thực hiện quy hoạch cán bộ được áp dụng như sau:

- Về số lượng quy hoạch: Tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập, số lượng cán bộ được phê duyệt trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý có thể cao hơn so với quy định hiện hành, nhưng không vượt quá tổng số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập.

Chậm nhất sau 05 năm (tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Về hiệu lực và sử dụng quy hoạch: Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được xem xét để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định.

Chương IV BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 29. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định việc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo đúng thẩm quyền, phân cấp quản lý cán bộ và quy định của cấp trên; bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch; phát huy trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và cá nhân người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng

cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Điều 30. Về bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

1. Có thể xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- Cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách (sau 24 tháng); cảnh cáo không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ (sau 36 tháng); cách chức (sau 60 tháng), tính từ thời điểm quyết định kỷ luật của cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực; nếu nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc kiểm điểm, khắc phục các vi phạm, khuyết điểm (nếu có) theo yêu cầu tại kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng; đồng thời, được các cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ đánh giá là có phẩm chất, năng lực và có khả năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét, bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Không xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng được xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với trường hợp cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo nay đã hết thời hạn kỷ luật nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng có thể xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng từng trường hợp để bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với: Cán bộ hiện đang trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách (trừ các trường hợp vi phạm về quan điểm chính trị; vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; lợi dụng chức vụ,

quyền hạn đề trực lợi cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận phường hội).

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo quy định.

4. Tạm thời chưa xem xét, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra.

Điều 31. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định, quy trình, quy chế, quyết định về công tác cán bộ và thực hiện nghiêm quyền hạn, trách nhiệm trong công tác cán bộ.

3. Người đứng đầu, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

- Người đứng đầu, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin, tham gia ý kiến đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 32. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (12 tháng); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ tương đương thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 3 năm gần nhất.

5. Độ tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 1 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 33. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (60 tháng) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ của tổ chức đó.

Điều 34. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý

1. Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị (sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo) có văn bản trình Thường trực Đảng ủy (qua Ban xây dựng Đảng) xem xét cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, nguồn nhân sự, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể trước khi làm quy trình nhân sự.

2. Sau khi có chủ trương, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Thường trực Đảng ủy xem xét (qua Ban xây dựng Đảng).

3. Đề xuất nhân sự cụ thể.

4. Thẩm định nhân sự.

4.1. Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban xây dựng Đảng) để thẩm định nhân sự.

4.2. Không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, Ban xây dựng Đảng Đảng ủy gửi văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự) xin ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan theo quy định đối với nhân sự.

4.3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban xây dựng Đảng Đảng ủy (trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy thì thời gian trả lời ngắn hơn). Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban xây dựng Đảng để biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc.

4.4. Không quá 10 ngày làm việc, Ban xây dựng Đảng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định hoặc xác minh, thẩm tra (nếu có) và lập tờ trình báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

4.5. Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy kết luận (hoặc quyết nghị), Ban xây dựng Đảng dự thảo quyết định bổ nhiệm đề Thường trực Đảng ủy ký hoặc thông báo kết luận (hoặc nghị quyết) của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đến các cơ quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định.

Điều 35. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý đối với nguồn nhân sự tại chỗ: Thực hiện theo Phụ lục 4 Quy định này.

2. Quy trình điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác.

2.1. Trường hợp nhân sự do Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ở nơi khác thì Ban xây dựng Đảng tiến hành các công việc sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự, lập tờ trình báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

2.2. Trường hợp nhân sự do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Khoản 1, Điều 43 của Quy định này.

3. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Đối với tổ chức có đặc thù: Theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 36. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền phường và cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Đảng ủy

1. Khi cần bổ sung cấp ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy còn thiếu so với quy định, Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định mà không phải xin chủ trương.

Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị Ban Chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị Ban Chấp hành ít nhất 12 tháng.

2. Đối với kiện toàn, bổ sung các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý, thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải báo cáo Thường trực Đảng ủy xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

3. Đối với nhân sự được đề nghị giới thiệu để bầu tham gia Ban Thường vụ Đảng ủy, bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Ban Thường vụ Đảng ủy có văn bản gửi đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy để lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy trước khi giới thiệu để bầu theo quy định.

4. Khi cần kiện toàn Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra còn khuyết so với quy định, Ban Thường vụ Đảng ủy chủ động thực hiện quy trình nhân sự và phải xin ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về nhân sự trước khi bầu; khi thay đổi Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Ban Thường vụ Đảng ủy phải trao đổi, xin ý kiến bằng văn bản với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ (nếu điều động, luân chuyển làm công tác khác phải được Thường trực Tỉnh ủy đồng ý); báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (qua Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy) xem xét, chuẩn y.

Điều 37. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc (từ tỉnh đến phường) thực hiện công tác hiệp y nhân sự với cấp ủy phường trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại phường.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (không quản lý trực tiếp) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy phường theo quy định của Trung ương, của tỉnh, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Trung ương, của tỉnh.

Chương V BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 38. Nguyên tắc, điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ khi hết thời hạn bổ nhiệm, hết nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; đáp

ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

3. Cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật trong nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn giữ chức vụ; có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thì việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thực hiện theo quy định tại Điều 30 Quy định này.

4. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền phải thông báo để cán bộ chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

5. Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khoẻ không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

6. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - phường hội.

Điều 39. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

Những trường hợp không đủ điều kiện bổ nhiệm lại thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến tuổi nghỉ hưu không còn đủ thời gian công tác 5 năm như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn đủ 2 năm công tác trở lên thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn sức khoẻ, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, biểu quyết (bằng phiếu kín), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

3. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương, quan trọng hơn hoặc cao hơn.

Điều 40. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ làm báo cáo tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2. Tập thể cán bộ chủ chốt cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (bằng phiếu kín) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (thành phần tham dự tương tự như hội nghị cán bộ chủ chốt trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử).

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và đề xuất việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

4. Tập thể lãnh đạo thảo luận, biểu quyết (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người có mặt ở hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt và trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người được triệu tập ở hội nghị tập thể lãnh đạo thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại bước 4, tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

Chương VI ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 41. Mục đích, yêu cầu điều động, biệt phái cán bộ

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 42. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động, biệt phái cán bộ

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Phạm vi: Giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

3. Thẩm quyền: Theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Đảng ủy.

Khi cần thiết Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhiệm các chức vụ thuộc diện Ban

Thường vụ Đảng ủy quản lý tại các cơ quan, đơn vị.

Điều 43. Quy trình điều động, biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Quy trình điều động

Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ dự kiến điều động.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái.

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 44. Chế độ, chính sách đối với cán bộ điều động, biệt phái

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác, sinh

hoạt, phát huy năng lực, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Ủy ban nhân dân phường căn cứ quy định của Trung ương, của tỉnh và phân cấp quản lý cán bộ, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ được điều động, biệt phái theo thẩm quyền; bảo đảm thống nhất, kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định.

Chương VII **CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC,** **MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CÁN BỘ**

Điều 45. Nguyên tắc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm (trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 49).

2. Khuyến khích cán bộ tự nguyện thôi giữ chức vụ, từ chức khi không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không còn đủ uy tín hoặc vi phạm chưa đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 46. Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với việc cho thôi giữ chức vụ

1.1. Chịu trách nhiệm người đứng đầu (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm) khi cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm hoặc không hoàn thành 5 chỉ tiêu kinh tế - phường hội cơ bản được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế. (2) Thu ngân sách nhà nước. (3) Giải ngân vốn đầu tư công. (4) Thu nhập bình quân đầu người. (5) Giảm tỉ lệ hộ nghèo.

1.2. Chịu trách nhiệm (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng) nếu kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về xây dựng Đảng, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế - phường hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... theo đánh giá của cấp có thẩm quyền trong năm hoặc định kỳ của cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị mà mình là người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công chỉ đạo trực tiếp) không đạt chỉ tiêu, kế hoạch theo quy định hoặc các quyết định, quy chế, quy định, đề án, chương trình, dự án quan trọng do cơ quan, đơn vị mình phụ trách chủ trì tham mưu, đề xuất ban hành mà cơ quan chức năng kết luận không hiệu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả xấu...

1.3. Quan liêu, xa dân, không giải quyết kịp thời ý kiến, nguyện vọng, lợi ích, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết

luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín cơ quan, đơn vị.

1.4. Chịu trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra điểm nóng phức tạp kéo dài liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn phường hội trên địa bàn và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng.

1.5. Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với việc từ chức

2.1. Cán bộ tự nguyện xin từ chức và được xem xét cho từ chức khi có một trong các căn cứ sau:

a, Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

b, Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định. c, Vì lý do khác của cá nhân.

d, Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

e, Trong nhiệm kỳ giữ chức vụ có 2 năm không liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

f, Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

g, Để vợ, chồng, con vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn phường hội và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị.

h, Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức (trừ trường hợp bản thân không biết).

i, Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, dùn dẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với trường hợp nêu tại Điểm b nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ

chức thì cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ; đối với các trường hợp nêu tại Điểm d, e, f, g, h, i nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

2.2. Những trường hợp không được từ chức

- Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do bản thân cán bộ đã thực hiện, nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

- Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Những trường hợp có đủ căn cứ miễn nhiệm nêu tại Điểm e, f, g, h, i, Khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc miễn nhiệm

a) Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

b) Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

c) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

d) Có 2 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao).

e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

f) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

g) Là người đứng đầu đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả rất nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

h) Là người đứng đầu đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

i) Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các trường hợp nêu tại Điểm a, b, c, d, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 47. Thẩm quyền, trách nhiệm cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét, quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Điều 48. Quy trình xem xét và hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1.1. Khi có đủ căn cứ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

1.3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

2. Hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

2.1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ; đơn xin từ chức của cán bộ đối với trường hợp từ chức.

2.2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 49. Bố trí công tác đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ

Cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình

thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định) và không quan trọng hơn; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét việc quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Đối với cán bộ sau khi từ chức

- Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác dưới 5 năm thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý).

- Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác từ 5 năm trở lên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (nếu có), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với cán bộ sau khi miễn nhiệm

- Cán bộ sau khi miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý); sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

Đối với các trường hợp nêu tại Điểm a, b, c, d, Khoản 3, Điều 46, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Nếu cán bộ sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương VIII

THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ

CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

Điều 50. Phạm vi, đối tượng trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của phường (sau đây gọi tắt là người đứng đầu) tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý do Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp ủy viên, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - phường hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của tổ chức đó.

3. Việc tạm đình chỉ công tác nhằm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

4. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo phải báo cáo và được sự đồng ý của Thường trực Đảng ủy trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

5. Người đứng đầu xem xét kịp thời ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo quy định mà không cần phải tiến hành thảo luận và biểu quyết trong tập thể lãnh đạo.

Điều 51. Căn cứ xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết

a) Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

b) Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

d) Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm

của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

e) Cán bộ bị kỷ luật Đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng

- Cán bộ bị khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra.
- Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 52. Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Thẩm quyền của người đứng đầu và quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

1.1. Thẩm quyền của người đứng đầu

- Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo danh mục (nêu tại Phụ lục 5) khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 51. Trường hợp chưa có trong danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

- Đề nghị cơ quan chức năng cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

- Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

1.2. Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

- Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

- Được khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như thời điểm chưa bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tạm đình chỉ công tác

2.1. Trách nhiệm của người đứng đầu

- Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 51; hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

- Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

- Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị, ra quyết định tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 53. Thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác

1.1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 30 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 30 ngày làm việc.

1.2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo văn bản đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thi hành án.

1.3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

2. Thủ tục tạm đình chỉ công tác

2.1. Khi xác định có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 51 thì

chậm nhất sau 2 ngày làm việc, cơ quan tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Chậm nhất sau 1 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tổ chức cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.3. Trong 3 ngày làm việc, kể từ ngày có đủ cơ sở để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, người đứng đầu lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định, Hướng dẫn của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân phường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định cụ thể việc quản lý công chức trong phạm vi thẩm quyền bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa quy định của cấp trên và Quy định này.

3. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định riêng của Trung ương và của tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng) để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Ban Xây dựng Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 55. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo),
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo),
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thường trực Đảng ủy,
- Thường trực Hội đồng nhân dân phường,
- Ủy ban nhân dân phường,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Đảng ủy,
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH phường,
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường,
- Các chi bộ trực thuộc Đảng ủy,
- Các đồng chí Đảng ủy viên,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ



[Handwritten signature]

Võ Thanh Hùng